

# ẢNH HƯỞNG CỦA KHÍ HẬU VÀ THIÊN TAI ĐỐI VỚI

## SỰ KHỦNG HOẢNG CỦA ĐẾ CHẾ OTTOMAN

Lư Vĩ An\*

**Tóm tắt:** Môi trường, khí hậu và điều kiện tự nhiên luôn có những tác động đáng kể đối với sự hưng thịnh và suy vong của các xã hội và các nền văn minh trong lịch sử. Đế chế Ottoman, một trong những đế chế lớn nhất trong lịch sử thế giới dĩ nhiên cũng chịu ảnh hưởng của các yếu tố này. Bằng cách tiếp cận lịch sử môi trường, bài viết trước hết tìm hiểu những hiện tượng thời tiết bất thường và thiên tai liên quan đến Tiểu Băng Hà như giá rét nghiêm trọng, mùa đông khắc nghiệt, hạn hán và dịch bệnh xảy ra ở đế chế Ottoman, từ đó bước đầu phân tích ảnh hưởng của khí hậu và thiên tai đối với sự khủng hoảng của đế chế Ottoman vào cuối thế kỉ XVI và trong thế kỉ XVII.

**Từ khóa:** lịch sử môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai, Tiểu Băng Hà, đế chế Ottoman

**Abstract:** Environment, climate and natural conditions, eternally significant influence on the rise and fall of many societies and civilizations in history. The Ottoman Empire, one of the largest states in world history, was undoubtedly affected by these factors. By approaching of environmental history, firstly, this article researches abnormal climate events and natural disasters related to the Little Ice Age such as extreme cold, severe winter, drought, and epidemic diseases suffered in the Ottoman Empire. Then, the article initially explicates the impacts of climate and natural disasters on the crisis of the Ottoman Empire at the end of the 16th century and the 17th century.

**Keywords:** environmental history, climate change, natural disasters, Little Ice Age, Ottoman Empire

Vào năm 1614, nhà thực vật học và lưu trữ học Renward Cysat (1545-1614) đã mở đầu quyển biên niên có nhan đề “The Seasons of the Year” với ghi chép “vài năm trở lại đây tình hình thời tiết liên tục xuất

hiện những thay đổi bất thường và kinh ngạc”<sup>1</sup>. Ít lâu sau, vào năm 1638, nhà khoa học Robert Burton (1577-1640) người Anh trong tác phẩm “The Anatomy of Melancholy” cũng đề cập đến những tin tức về “chiến tranh, dịch bệnh, hỏa hoạn, ngập lụt, trộm cắp, giết người, tàn sát, thiên thạch,

---

\* Đại học Istanbul

Nhận bài ngày: 15/8/2018

Phản biện xong 22/12/2018

Chấp nhận đăng 15/2/2019

---

<sup>1</sup> Geoffrey Parker, *Global Crisis: War, Climate Change and Catastrophe in the Seventeenth Century*, New Haven and London: Yale University Press, 2012, p. 3.

sao chổi, quang phổ, thuật sĩ, hồn ma khắp các thành phố và thị trấn ở Pháp, Đức, Thổ Nhĩ Kỳ, Iran và Ba Lan”<sup>2</sup>. Những ghi chép này là phản ánh về sự khủng hoảng xảy ra ở nhiều khu vực trên thế giới vào thế kỉ XVII mà một trong các nguyên nhân là do những thiên tai và thời tiết giá rét bất thường gắn với Tiểu Băng Hà - hiện tượng biến đổi khí hậu kéo dài trong suốt thời cận đại gây ra.

Thuật ngữ “Tiểu Băng Hà” được nhà địa chất học người Mỹ là François E. Matthes (1874-1948) đưa ra lần đầu vào năm 1939 trong công trình “*Report of Committee on Glaciers*”<sup>3</sup>. Theo đó, nó được diễn tả là một thời kì mà nền nhiệt độ trung bình của Trái Đất giảm thấp hơn so với ngày nay và do đó rất nhiều nơi trên thế giới bị ảnh hưởng. Tiểu Băng Hà được nói đến không chỉ như một hiện tượng khí hậu mà còn là một sự kiện lịch sử lần đầu tiên vào thập niên 1960 bởi nhà sử học người Pháp Emmanuel Le Roy Ladurie (1929- )<sup>4</sup>. Tiếp theo đó, nhiều nhà sử học như Fernand Braudel (1902-1985) và Gustaf Utterström (1908-1973) cũng đã nỗ lực phân tích mối liên hệ và ảnh hưởng của khí hậu cùng thiên tai đối với sự phát triển của các xã hội ở Địa Trung Hải cận đại<sup>5</sup>. Đặc biệt vào năm 1980, nhà sử

học William J. Griswold khi nghiên cứu về phong trào Celâlî đã trở thành người tiên phong đánh giá ảnh hưởng của Tiểu Băng Hà đối với đế chế Ottoman<sup>6</sup>. Là hiện tượng biến đổi khí hậu tồn tại xuyên suốt thời cận đại, Tiểu Băng Hà đã có những ảnh hưởng đáng kể đến đế chế Ottoman.

### 1. Biến đổi khí hậu và diễn biến thiên tai ở đế chế Ottoman (cuối thế kỉ XVI - thế kỉ XVII)

Dựa theo các phân tích niên đại gỗ cây (dendrochronology), các nhà khoa học xác định được trong giai đoạn đầu của Tiểu Băng Hà, phần lãnh thổ châu Âu (Rumeli) của đế chế Ottoman trở nên lạnh giá hơn trong khi phần lãnh thổ trung tâm ở Anatolia (Tiểu Á, Anadolu) lại liên tục khô hạn<sup>7</sup>. Trong các năm 1585-1590, hầu hết lãnh thổ của đế chế Ottoman rơi vào tình trạng “*thất bát, giá cả tăng cao, nạn đói và dịch bệnh*”<sup>8</sup>. Một số tài liệu còn ghi chép về việc eo biển Bosphorus và vịnh Sừng Vàng ở Istanbul bị đóng băng

Problems in Early Modern History”, *The Scandinavian Economic History Review*, 3, 1955, pp. 3-47.

<sup>6</sup> William J. Griswold, *The Great Anatolian Rebellion, 1591 - 1611*, Berlin: Klaus Schwarz Verlag, 1983. (Ülkün Tansel çev.), *Anadolu'da Büyük İsyan 1591 - 1611*, İstanbul: Kırmızı Yayınları, 2011, s. 275-276; William J. Griswold, “Climate Change: a Possible Factor in the Social Unrest of Seventeenth Century Anatolia”, *Humanist and Scholar. Essays in Honor of Andreas Tietze* (edited by Health W. Lowry and Donald Quataert), İstanbul: The ISIS Press, 1993, p. 49.

<sup>7</sup> Jelena Mrgić, “Wine or ‘Raki’ - The Interplay of Climate and Society in Early Modern Ottoman Bosnia”, *Environment and History*, Vol. 17, No. 4 (November 2011), p. 620.

<sup>8</sup> William S. Atwell, “Volcanism and Short-Term Climate Change in East Asian and World History, c. 1200-1699”, *Journal of World History*, Vol. 12, No. 1 (Spring, 2001), p. 58.

<sup>2</sup> Geoffrey Parker, *Ibid.*, p. xxi.

<sup>3</sup> François E. Matthes, “Report of the Committee on Glaciers, April 1939”, *Transactions of the American Geophysical Union* 20, 1939, 518-523.

<sup>4</sup> Emmanuel Le Roy Ladurie, *Times of Feast, Times of Famine*, Garden City, NY: Doubleday, 1971, pp. 221-225.

<sup>5</sup> Fernand Braudel, *The Mediterranean and the Mediterranean World in the Age of Philip II*, New York: Harper and Row, 1972, pp. 267-276; Gustaf Utterström, “Climatic Fluctuations and Population

năm 1620/1621<sup>9</sup>. Sử gia İbrahim Peçevi  
g thời chép rằng tháng 2 năm 1621 xảy  
hiện tượng rất hiếm thấy là eo biển  
Bosphorus bị đóng băng. Một chiếc cầu băng  
hiện đã xuất hiện, nối liền hai lục địa Á-  
Âng như hai bờ lãnh thổ của đế chế. Sử  
giasan Beyzâde thì chép vào tháng 1 năm  
1621 mùa đông rất khắc nghiệt, eo biển  
Bosphorus bị đóng băng, không cần thuyền  
chèo ta vẫn có thể đi trên băng để sang các  
địa điểm Üsküdar, Galata và Kasımpaşa. Nhiều  
nhà nghiên cứu cho rằng vịnh Sừng Vàng  
đóng băng vào ngày 24 tháng 1 (chủ nhật  
17 Rebî'ül-evvel lịch Hicri) còn eo biển  
Bosphorus thì đóng băng ngày 9 tháng 2 (thứ  
ba ngày 17 Rebî'ül-evvel) năm 1621<sup>10</sup>.  
Nhà sử học người Áo Joseph von  
Hammer-Purgstall (1774-1856) cho rằng sự  
đóng băng diễn ra vào năm 1620<sup>11</sup>.

Tuy nhiên cũng có một vài quan điểm  
khác về việc eo biển Bosphorus đóng băng  
và một sự phỏng đoán. Điển hình là nhà  
sử học người Đức Wolf-Dieter Hütteroth  
(2010). Bằng việc dẫn lại nghiên cứu  
của các nhà khảo cổ học Peter J.  
Ergenzinger, Wolfgang Frey, Hartmut  
Kühne và Harald Kürschner, nhà địa lí học  
Xavier de Planhol, các nhà thực vật học  
Willem van Zeist và Sytze Bottema cũng

như kết luận vào năm 1942-1943 của hai nhà  
thực vật học Gustav Gassner và Fritz  
Christiansen-Weniger về việc ở Tiểu Á trong  
thời kỳ nhiều thế kỉ tuy có xuất hiện những giai đoạn  
già rét và hạn hán nhưng không đồng nghĩa  
với việc tồn tại một sự biến đổi khí hậu kéo  
dài nhiều thế kỉ<sup>12</sup>, Wolf-Dieter Hütteroth cho  
rằng giả thuyết về sự biến đổi khí hậu rộng  
lớn thời đó là khó có thể thuyết phục được<sup>13</sup>.

Ngược lại, Sam White cho rằng hoàn  
toàn có căn cứ để khẳng định về quá trình  
biến đổi khí hậu diễn ra ở đế chế Ottoman  
thời bấy giờ<sup>14</sup>. Bởi theo những nghiên cứu  
gần đây nhất, các nhà khoa học đã xác định  
được những giai đoạn thời tiết giá rét hết sức  
khắc nghiệt ở châu Âu từ 1580 đến 1610 và  
từ 1680 đến 1710. Trong thế kỉ XVII, bức xạ  
mặt trời hoạt động rất ít hoặc có lúc đạt cực

<sup>12</sup> Peter J. Ergenzinger, Wolfgang Frey, Hartmut Kühne ve. Harald Kürschner, "The Reconstruction of Environment, Irrigation and Development of Settlement on the Habur in North East Syria", in *Conceptual Issues in Environmental Archeology* (ed. John Bintliff, Donald A. Davidson and Eric G. Grant), Edinburgh: Edinburgh University Press, 1988, 108-128; Xavier de Planhol, *Kulturgeographische Grundlagen der islamischen Geschichte*, München-Zürich: Artemis-Verlag, 1975; Willem van Zeist and Sytze Bottema, *Late Quaternary Vegetation of the Near East, Beihefte zum Tübinger Atlas des Vorderen Orients, A-18*, Wiesbaden: Ludwig Reichert Verlag, 1991; Gustav Gassner and Fritz Christiansen-Weniger, "Dendroklimatologische Untersuchungen über die Jahresringentwicklung der Kiefern in Anatolien", *Nova Acta Leopoldina N.F.*, 1942, 12-80.

<sup>13</sup> Wolf-Dieter Hütteroth, "Ecology of the Ottoman Lands" in *The Cambridge History of Turkey, Vol. 3: The Late Ottoman Empire 1603-1839* (Suraiya Faroqhi ed.), New York: Cambridge University Press, 2006, p. 22.

<sup>14</sup> Sam White, *The Climate of Rebellion in the Early Modern Ottoman Empire*, Cambridge: Cambridge University Press, 2011, p. 124. (Nurettin Elhüseyni çev.), *Osmanlı'da İsyân İklimi: Erken Modern Dönemde Celâli İsyânları*, İstanbul: Alfa, 2013, s. 175.

<sup>9</sup> Parker, "Crisis and Catastrophe: The Crisis of the Seventeenth Century Revisited", *American Historical Review*, 2008, p.

<sup>10</sup> Hami Danişmend, *İzânlı Osmanlı Tarihi*, Cilt III, İstanbul: Türkiye Yayınevi, 1979.

<sup>11</sup> von Hammer-Durgstall (trans.), *Evlıya Narrative of Travels in Europe in the 17th Century*, Vol. I, London, 1846, p. 115.

tiêu mà các nhà khoa học gọi là “Maunder Minimum” cùng với vụ phun trào núi lửa Huaynaputina (1600) đã làm khí hậu trở nên giá lạnh hơn, cũng là lúc Tiểu Băng Hà tác động mạnh mẽ nhất. Hoạt động của núi lửa cũng góp phần tạo nên “sương mù khô” bất thường phá hoại mùa màng dẫn đến nạn đói và gây ra bệnh dịch. Không chỉ vậy, biến đổi khí hậu còn được cho là một trong những nguyên nhân tạo nên sự ‘khủng hoảng lớn’ trong xã hội châu Âu và nhiều nơi trên thế giới vào thế kỉ XVII. Cũng theo các dữ liệu phân tích về khí hậu ở phía đông Địa Trung Hải, các nhà khoa học đã chỉ ra được ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với xã hội Ottoman thời kì đó<sup>15</sup>.

#### Giá rét nghiêm trọng

Giá rét nghiêm trọng và những mùa đông khắc nghiệt kéo dài là một trong các biểu hiện chính của biến đổi khí hậu ở đế chế Ottoman. Vào thập niên 1560, miền đông Địa Trung Hải thường xuyên trải qua những mùa đông băng giá và khô hạn. Mùa đông các năm 1565-1566 ở Bulgaria, năm 1577-1578 ở Hy Lạp và năm 1578-1579 ở Tiểu Á vô cùng khắc nghiệt<sup>16</sup>. Tác phẩm *Gencine-i Feth-i Gence* của Rahîmîzâde İbrahim Harîmî Çavuş viết trong những năm 1583-1590 cho biết mùa đông năm 1585 ở Kastamonu rất giá rét, người dân nơi đây ngoài việc chỉ có thể chán nản, co rút trong nhà, ngay cả dịp lễ hội khi đó cũng không

thể tổ chức<sup>17</sup>. Còn tác phẩm *Menâzîrü'l-Avâlm* của Âşık Mehmed chép rằng vào những tháng mùa đông năm 1586 ở İzmir do giá rét và tuyết rơi liên tục nên hoa màu bị thiệt hại nặng, đến những tháng mùa hè vẫn chưa hồi phục được<sup>18</sup>. Những năm 1591-1596 cùng với giá lạnh là những đợt hạn hán kéo dài nhất trong vòng 600 năm<sup>19</sup>. Vào năm 1595 khi Sultan III. Murad qua đời, Istanbul trải qua một mùa đông hết sức khắc nghiệt. Do thời tiết giá lạnh và gió mùa tây bắc tác động mạnh nên tàu thuyền đều không thể hoạt động, buộc phải neo đậu lại. Hậu quả là dẫn đến việc thành phố bị thiếu lương thực cung ứng và giá cả hàng hóa tăng từ hai lên ba akçe<sup>20</sup>. Tháng 1 năm 1595, khi vị sultan mới là III. Mehmed từ Manisa trên đường trở về Istanbul để làm lễ kế vị, đoạn đường xung quanh đều bao phủ trong băng giá<sup>21</sup>. Hơn nữa do đường xá bị băng tuyết bao phủ nên buổi lễ yết kiến vào ngày thứ sáu tại thánh đường Fatih cũng bị hủy bỏ. Điều kiện thời tiết giá lạnh cho đến cuối tháng ba vẫn không thay đổi nên đến đầu tháng 4 lễ ban kiêm mới có thể thực hiện<sup>22</sup>. Sang thế kỉ XVII, mùa đông năm 1621 cũng được biết là hết sức lạnh giá với băng tuyết dày đặc. Vào thời điểm này, ngoài eo biển Bosphorus ở

<sup>17</sup> Zafer Karademir, *İmparatorluğun Açılığa İmtihan Osmanlı Toplumunda Kutluklar (1560 - 1660)*, İstanbul: Kitap Yayınevi, 2014, s. 55.

<sup>18</sup> Zafer Karademir, *A.g.e.*, s. 62.

<sup>19</sup> Sam White, *Ibid.*, p. 136. (Nurettin Elhüseyni çev.), *A.g.e.*, s. 191.

<sup>20</sup> Necdet Sakaoğlu, *Bu Mülkün Sultanları*, İstanbul: Alfa Yayınları, 2015, s. 175, 177.

<sup>21</sup> Sam White, *Ibid.*, p. 142. (Nurettin Elhüseyni çev.), *A.g.e.*, s. 198.

<sup>22</sup> Necdet Sakaoğlu, *A.g.e.*, s. 177.

<sup>15</sup> Sam White, *Ibid.*, pp. 132-135. (Nurettin Elhüseyni çev.), *A.g.e.*, s. 185-188.

<sup>16</sup> Sam White, *Ibid.*, p. 139. (Nurettin Elhüseyni çev.), *A.g.e.*, s. 193.

Istanbul, vịnh Marmara) cũ

Hạn hán

Do tác đ

với thời tiết g

thời kì này l

thường xây r

và kéo dài<sup>24</sup>. l

gỗ cây, các n

các đợt đại hạ

1585 và thập

điểm hạn hán

năm trở lại ở

Hải cũng như

của đế chế Ot

đợt hạn hán k

phía đông Địa

đến năm 1596

hán và thiếu n

tháng 5 năm 1

triều đình phải

(câu mưa)<sup>26</sup>. Đ

đông băng giá

đưa đến lãnh

nghiên cứu g

những đợt hạn

350 năm trở l

tuần suất một r

đợt kéo dài ba

<sup>23</sup> Zafer Karademir

<sup>24</sup> Faruk Tabak, 7

1550-1870: A Ge

Johns Hopkins Uni

<sup>25</sup> Sam White, *Ibid.*

*g.e.*, s. 193

<sup>26</sup> Necdet Sakaoğlu

<sup>27</sup> Sam White, *Ibid.*

*A.g.e.*, s. 191.

Istanbul, vịnh İzmit ở Kocaeli (thuộc biển Marmara) cũng bị đóng băng<sup>23</sup>.

*Hạn hán*

Do tác động của Tiểu Băng Hà nên cùng với thời tiết giá rét và mùa đông khắc nghiệt, thời kì này lãnh thổ đế chế Ottoman cũng thường xảy ra tình trạng hạn hán rộng khắp và kéo dài<sup>24</sup>. Dựa theo các phân tích niên đại gỗ cây, các nhà khoa học đã xác định được các đợt đại hạn hán vào các năm 1561, 1570, 1585 và thập niên 1590 được xem là thời điểm hạn hán kéo dài nhất trong vòng 600 năm trở lại ở khu vực phía đông Địa Trung Hải cũng như là nặng nề nhất trong lịch sử của đế chế Ottoman. Trong đó có thể kể đến đợt hạn hán kéo dài từ năm 1591 đến 1595 ở phía đông Địa Trung Hải và từ năm 1592 đến năm 1596 ở phía nam Tiểu Á<sup>25</sup>. Do hạn hán và thiếu nước nghiêm trọng nên ngày 10 tháng 5 năm 1596 ở Okmeydanı (Istanbul), triều đình phải tiến hành “istiska namazi” (lễ cầu mưa)<sup>26</sup>. Đến năm 1607 cùng với mùa đông băng giá, đại hạn hán một lần nữa đe dọa đến lãnh thổ Ottoman<sup>27</sup>. Dựa theo nghiên cứu gần đây của các nhà địa lí học, những đợt hạn hán ở khu vực Anatolia trong 350 năm trở lại đây thường dao động với tuần suất một năm, hoặc hai năm, cá biệt có đợt kéo dài ba năm (1745-1747). Trong đó,

các đợt hạn hán hai năm xảy ra ở Địa Trung Hải bảy lần, ở Hắc Hải năm lần<sup>28</sup>.

*Lũ lụt*

Bên cạnh giá rét và hạn hán, thời kì này ở khu vực Địa Trung Hải cũng thường xảy ra lũ lụt<sup>29</sup>. Giữa các năm 1570-1610 châu Âu thường xuyên phải đối mặt với các trận lũ lụt có sức tàn phá rất lớn<sup>30</sup>. Cùng lúc đó lãnh thổ của đế chế Ottoman cũng gặp phải thảm họa tương tự, như lũ lụt hủy hoại mùa màng, nhấn chìm các cánh đồng màu mỡ ở lưu vực sông Danube và ven Hắc Hải<sup>31</sup>. Giữa các thập niên 1580 và 1630 từ đồng bằng Ege thuộc lưu vực sông Menderes đến bán đảo Iberia rất nhiều lần bị nhấn chìm trong lũ lụt. Trong đó năm 1617 được xem là một năm lũ lụt nặng nề<sup>32</sup>. Còn theo ghi chép của Dîvân-ı Hümâyûn (Hội đồng cơ mật triều đình) là *Mühimme Defterleri*, lũ lụt liên tục xảy ra vào các năm: 1565 ở Edirne, 1568 ở Karaderya, 1571 ở Karasu Yenicesi Kazâsı, 1572 ở Albania Belgrade 1573 ở Akhisar và Demirhisar, 1574 ở İstanbul, 1576 ở Mihaliççık, 1577 ở Manyas và năm 1578 ở İstanbul<sup>33</sup>. Năm 1575, do sông Gediz đổi

<sup>28</sup> Ünal Akkemik, “Anadolu’da Son 350 Yılında Yaşanan Önemli Kurak ve Yağışlı Yıllar”, *Türkiye Kuvarterner Sempozyumu* 5 (2005), s. 129.

<sup>29</sup> Faruk Tabak, *Ibid.*, pp. 17, 193.

<sup>30</sup> Fernand Braudel, *The Mediterranean and the Mediterranean World in the Age of Philip II*, New York: Harper and Row, 1972. (çev. Mehmet Ali Kılıçbay), *II. Felipe Döneminde Akdeniz ve Akdeniz Dünyası*, Cilt 1, Ankara: İmge Kitabevi, 1993, s. 328.

<sup>31</sup> Sam White, *Ibid.*, p. 80. (Nurettin Elhüseyni çev.), *A.g.e.*, s. 121.

<sup>32</sup> Faruk Tabak, *Ibid.*, pp. 190, 196.

<sup>33</sup> Orhan Kılıç, “Mühimme Defterlerine Göre 16. Yüzyılın İkinci Yarısına Osmanlı Devleti’nde Doğal Afetler (Fırtınalar, Su Baskınları, Şiddetli Soğuklar ve

<sup>23</sup> Zafer Karademir, *A.g.e.*, s. 57.

<sup>24</sup> Faruk Tabak, *The Waning of the Mediterranean, 1550-1870: A Geohistorical Approach*, Baltimore: Johns Hopkins University Press, 2008, p. 204.

<sup>25</sup> Sam White, *Ibid.*, pp. 138, 141. (Nurettin Elhüseyni çev.), *A.g.e.*, s. 193, 196.

<sup>26</sup> Necdet Sakaoğlu, *A.g.e.*, s. 180.

<sup>27</sup> Sam White, *Ibid.*, p. 137. (Nurettin Elhüseyni çev.), *A.g.e.*, s. 191.

đồng nên toàn bộ khu vực Büyük - Kılcanlu Kōyü ở Manisa bị chìm trong nước lũ. Trong hai năm 1614-1615, ở Edirne, do ngập lụt nên một khối lượng lớn bùn đất bao phủ khắp khu vực giữa Silivri với Çorlu<sup>34</sup>. Bên cạnh đó, ở Địa Trung Hải cũng thường xuất hiện các cơn bão gây ảnh hưởng đến bờ biển phía tây đế chế Ottoman. Chẳng hạn năm 1559 ở khu vực Cyprus - Koldoni, năm 1565 ở Mezistre - Elöz và Kandıra - Kefken, năm 1573 ở Evreşe, năm 1582 ở Midye, năm 1592 ở các đảo İkerya và Andarya đều bị ảnh hưởng nặng nề của bão<sup>35</sup>.

#### *Dịch bệnh*

Cùng lúc đó, từ nửa sau thế kỉ XVI dịch bệnh cũng thường xuyên hoành hành ở đế chế Ottoman. Trong cách diễn tả vào thời bấy giờ, dịch bệnh “taun-ı veba” thường được biết đến với các chủng như dịch hạch, “ciğerlerin biryan eyledi” bệnh gan, “maraz-ı su-ı mide”, “mübarek maraz” hay “maraz-ı taun” bệnh dịch tả<sup>36</sup>, đặc biệt là dịch hạch có tính lây lan và truyền nhiễm nhanh<sup>37</sup>. Theo *Mühimme Defterleri* cùng các nguồn tài liệu như *Vakayiname* và *Seyahatname*, bệnh dịch hạch bắt đầu xuất hiện tràn lan từ những năm 1560. Trong đó năm 1559 ở Alacahisar

Sancağı thuộc khu vực Rumeli, năm 1564 ở Aleppo, năm 1565 ở Karaman, năm 1568 ở Selanik, các năm 1572-1573 từ Cyprus lan rộng đến Selanik và Edirne, các năm 1573-1574 ở Uzeyr Sancağı, các năm 1576-1577 ở Erzurum, năm 1579 lập lại ở Selanik và vùng phụ cận. Năm 1592, dịch hạch tấn công Antalya ở miền nam Thổ Nhĩ Kỳ, sang năm sau tới Palestine. Đến giữa thế kỉ XVII, dịch bệnh cũng xuất hiện ở Sofia (Bulgaria) và Manisa<sup>38</sup>.

Đô thị lớn nhất của đế chế Ottoman là İstanbul cũng thường xuyên xảy ra dịch bệnh. Dịch hạch liên tục xuất hiện ở đây vào các năm 1511, 1526, 1561, 1584, 1586, 1590, 1592, 1599, 1625, 1637, 1648, 1653, 1673<sup>39</sup>. Thời đó, một người Pháp tên là Ogier Ghiselin de Busbecq cho biết vào năm 1562 ở İstanbul xuất hiện dịch bệnh lớn<sup>40</sup>. Ảnh hưởng của nó tiếp tục kéo dài đến năm 1565. *Tarih-i Selânikî* chép rằng trong mùa hè năm 1584 và 1585 xảy ra dịch bệnh nghiêm trọng<sup>41</sup>, ngoài ra cũng đề cập đến ba dịch bệnh hoành hành vào tháng 11-12 năm 1590, giữa tháng 7 năm 1592 và đầu tháng 7 năm 1598<sup>42</sup>. Trong đó dịch bệnh xảy ra vào hai năm 1592 và 1595 được xem là gây ảnh hưởng nặng nề nhất đối với İstanbul. Theo miêu tả của đại diện phái bộ Venice bên cạnh triều đình Ottoman khi đó là Marco Vernier,

Yıldırım Düşmesi Olayları), *Pax Ottomana Studies in Memoriam Prof. Dr. Nejat Göyünç* (Kemal Çiçek ed.), Ankara: Yeni Türkiye, 2001, s. 800-808.

<sup>34</sup> Zafer Karademir, *A.g.e.*, s. 67-68.

<sup>35</sup> Orhan Kılıç, *A.g.m.*, s. 795-798.

<sup>36</sup> Sam White, “Rethinking Disease in Ottoman History”, *International Journal of Middle East Studies*, Vol. 42, No. 4 (November 2010), p. 556.

<sup>37</sup> Orhan Kılıç, *Eskiçağdan Yakınçağa Genel Hatlarıyla Dünyada ve Osmanlı Devleti’nde Salgın Hastalıklar*, Elazığ: Fırat Üniversitesi Ortadoğu Araştırmaları Merkezi Yayınları, 2004, s. 44.

<sup>38</sup> Orhan Kılıç, *A.g.e.*, s. 45-56.

<sup>39</sup> Halil İncalcık, “İstanbul”, *Encyclopaedia of Islam*, Vol. 4 (ed. E. van Donzei, B. Lewis, Ch. Pellat), Leiden: Brill, 1997, p. 243.

<sup>40</sup> Orhan Kılıç, *A.g.e.*, s. 48.

<sup>41</sup> Sam White, *Ibid.*, p. 90. (Nurettin Elhüseyni çev.), *A.g.e.*, s. 134.

<sup>42</sup> Orhan Kılıç, *A.g.e.*, s. 48.

dịch bệnh năm 1595 được xem như “*peste acutissima, et mortifera*” - tức thảm họa nặng nề và chết người<sup>43</sup>. Sang thế kỉ XVII cũng ghi nhận hai đợt dịch bệnh nghiêm trọng vào mùa hè năm 1625 và vào mùa hè năm 1667<sup>44</sup>.

## 2. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với đế chế Ottoman

Khí hậu và thiên tai luôn có những tác động nhất định đến sự hưng thịnh và suy vong của các nền văn minh, thể chế nhà nước và xã hội trong lịch sử nhân loại. Đế chế Ottoman lẽ dĩ nhiên cũng chịu ảnh hưởng của khí hậu và thiên tai. Giá rét nghiêm trọng cùng với hàng loạt thiên tai có liên hệ với Tiểu Băng Hà như hạn hán, lũ lụt và dịch bệnh đã tác động đến nhiều mặt đời sống kinh tế-xã hội thậm chí là chính trị của đế chế Ottoman và trở thành yếu tố tạo nên sự khủng hoảng của đế chế này vào thế kỉ XVII.

Đồng thời vào thế kỉ XVII, khủng hoảng xảy ra ở rất nhiều nơi trên thế giới. Bởi vì tính rộng khắp của hiện tượng này mà nhiều nhà sử học gọi đây là thời kì “khủng hoảng chung”<sup>45</sup>. Ví dụ sự sụp đổ của triều

đại Stuart và cách mạng ở Anh, các cuộc nổi dậy của thị dân ở Nga, sự sụp đổ của nhà Minh ở Trung Quốc, nội chiến trong triều đình Mughal ở Ấn Độ, bạo loạn ở Mexico và phong trào nổi dậy Celâlî ở đế chế Ottoman đã cho thấy tính chất rộng khắp của sự khủng hoảng từ châu Âu sang châu Á thậm chí tận cả Tân thế giới<sup>46</sup>. Một số nghiên cứu đã so sánh sự tương đồng giữa khủng hoảng ở Anh, Thổ Nhĩ Kỳ và Trung Quốc vào thế kỉ XVII<sup>47</sup>. Nhiều nhà nghiên cứu còn chỉ ra mối liên hệ chặt chẽ giữa “khủng hoảng chung” với hiện tượng biến đổi khí hậu Tiểu Băng Hà<sup>48</sup>. Tức “*khi các nhà khí tượng học gọi giai đoạn này là Tiểu Băng Hà thì các nhà*

Century Reconsidered”, *American Historical Review*, 2008, p. 1053.

<sup>46</sup> Geoffrey Parker, *Ibid.*, p. 1055. Về khủng hoảng thế kỉ XVII ở Trung Quốc và Đông Á có thể tham khảo William S. Atwell, “Some Observations on the ‘Seventeenth-Century Crisis’ in China and Japan”, *The Journal of Asian Studies*, Vol. 45, No. 2 (Feb., 1986), 223-244; William S. Atwell, “Ming Observers of Ming Decline: Some Chinese Views on the ‘Seventeenth-Century Crisis’ in Comparative Perspective”, *The Journal of the Royal Asiatic Society of Great Britain and Ireland*, No. 2 (1988), 318-348; William S. Atwell, “A Seventeenth-Century ‘General Crisis’ in East Asia?”, *Modern Asian Studies*, Vol. 24, No. 4 (Oct., 1990), 661-682. Ở Nam Á tham khảo John Richards, “The Seventeenth-Century Crisis in South Asia”, *Modern Asian Studies*, Vol. 24 (1990), 625-638. Còn ở Đông Nam Á, xem Anthony Reid, “The Seventeenth-Century Crisis in Southeast Asia”, *Modern Asian Studies*, Vol. 24, No. 4 (Oct., 1990), 639-659. Ở Mexico xem Jonathan Israel, “Mexico and the ‘Genel Crisis’ of the Seventeenth Century”, *Past and Present*, Vol. 63 (1994), 33-57.

<sup>47</sup> Jack A. Goldstone, “East and West in the Seventeenth Century: Political Crisis in Stuart England, Ottoman Turkey and Ming China”, *Comparative Studies in Society and History*, 30, 1 (1988), 106-142.

<sup>48</sup> Geoffrey Parker, *Ibid.*, pp. 1065-1079.

<sup>43</sup> Sam White, *Ibid.*, p. 153. (Nurettin Elhüseyni çev.), *A.g.e.*, s. 211.

<sup>44</sup> Orhan Kılıç, *A.g.e.*, s. 49. Cũng xem Health W. Lowry, “Pushing the Stone Uphill: The Impact of Bubonic Plague on Ottoman Urban Society in the Fifteenth and Sixteenth Centuries”, *Osmanlı Araştırmaları*, Cilt XXIII, 2003, p. 126-127.

<sup>45</sup> Trevor Henry Aston (ed.), *Crisis in Europe, 1560 - 1660*, Garden City, New York: Anchor, 1965 [London: Routledge, 2013]; Hugh Trevor-Roper, *The Crisis of the Seventeenth Century: Religion, The Reformation, and Social Change*, New York: Harper & Row, 1967, pp. 43-81; Geoffrey Parker, “Crisis and Catastrophe: The Global Crisis of the Seventeenth

sử học gọi nó là đại khủng hoảng”<sup>49</sup>. Nói cách khác, những thiên tai và thảm họa liên quan đến Tiểu Băng Hà đã trở thành nguyên nhân gây ra khủng hoảng về nhiều mặt đời sống kinh tế-xã hội thời bấy giờ<sup>50</sup>. Chẳng hạn nó đã tác động mạnh mẽ đến Trung Quốc và là một trong các nguyên nhân dẫn đến sự diệt vong của nhà Minh<sup>51</sup>. Còn về phía đế chế Ottoman, biến đổi khí hậu trước hết đã làm thay đổi cấu trúc sinh thái của đế chế Ottoman, sau đó hàng loạt thiên tai như giá rét trầm trọng, mùa đông kéo dài và khắc nghiệt, hạn hán, ngập lụt, nạn châu chấu phá hoại mùa màng và dịch bệnh đã dẫn đến nạn đói, sự biến đổi về nhân khẩu, di dân, cướp bóc - nổi loạn và cả chiến tranh. Nó đã góp phần tạo nên sự khủng hoảng ở đế chế Ottoman vào thế kỉ XVII, được ví như một “thảm kịch đế chế”, hơn nữa còn được xem là một vết đen trong lịch sử của đế chế này<sup>52</sup>.

### Nạn đói

Nạn đói thường xuyên xảy ra ở đế chế Ottoman từ cuối thế kỉ XVI<sup>53</sup>. Trong các năm 1564-1565, 1570-1571, 1574, 1579 và 1583-1585, nạn đói xảy ra cứ khoảng mỗi 5 năm một lần. Trong đó, hạn hán ở vùng Ege gây ra đợt nạn đói lớn đầu tiên ở các đảo Hy Lạp và miền tây Tiểu Á. Đợt nạn đói thứ hai

xảy ra ở Selanik, Dubrovnik thuộc phía tây và vùng hồ Van phía đông<sup>54</sup>. Thực tế vào thời kì đó, không chỉ riêng đế chế Ottoman mà nhiều nơi khác ở khu vực Địa Trung Hải vốn chịu tác động của Tiểu Băng Hà cũng đối mặt với nạn đói. Chẳng hạn do hạn hán nên đã dẫn đến nạn đói lớn năm 1521 ở vùng Andalusia, năm 1525 ở Tuscany, năm 1554 toàn bộ nước Ý, năm 1578 ở Tây Ban Nha và năm 1583 một lần nữa ở Ý. Ở Napoli từ năm 1560 đến 1600 trải qua 6 đợt nạn đói lớn<sup>55</sup>. Nạn đói cũng diễn ra ở Anh và Scotland vào các năm 1597, 1623 và 1649. Còn nạn đói ở Pháp xảy ra suốt thế kỉ XVII, đáng kể nhất là vào các năm 1630-1631, 1649-1652, 1661-1662, 1693-1694<sup>56</sup>.

Theo *Mühimme Defterleri*, trong vòng 59 năm từ năm 1578 đến năm 1637, ở đế chế Ottoman đều liên tục xảy ra nạn đói cục bộ hoặc diện rộng<sup>57</sup>. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến nạn đói như nạn đầu cơ lương thực, sự gia tăng dân số hoặc do thiên tai như hạn hán, lũ lụt và nạn châu chấu<sup>58</sup>. Nạn đói do

<sup>54</sup> Sam White, *Ibid.*, p. 80. (Nurettin Elhüseyni çev.), *A.g.e.*, s. 122.

<sup>55</sup> Lütfi Güçer, *XVI.-XVII. Asırlarda Osmanlı İmparatorluğunda Hububat Meselesi ve Hububattan Alınan Vergiler*, İstanbul: İ.Ü. İktisat Fakültesi, 1964, s. 10.

<sup>56</sup> Andrew B. Appleby, “Epidemics and Famine in the Little Ice Age”, *The Journal of Interdisciplinary History*, Vol. 10, No. 4, Spring 1980, p. 643. Về nạn đói trong lịch sử thế giới xem Cornelius Walford, “The Famines of the World: Past and Present”, *Journal of the Statistical Society of London*, Vol. 41, No. 3 (Sep., 1878), 433-535; “The Famines of the World: Past and Present II”, *Journal of the Statistical Society of London*, Vol. 42, No. 1 (Mar., 1879), 79-275.

<sup>57</sup> Lütfi Güçer, *A.g.e.*, s. 10.

<sup>58</sup> Orhan Kılıç, “Osmanlı Devleti’nde Meydana Gelen Kıtliklar”, *Türkler*, Cilt 10 (Hasan Celâl Güzel -

<sup>49</sup> Geoffrey Parker, “Lessons From the Little Ice Age”, *The New York Times*, March 22 2014.

<sup>50</sup> Sam White, *Ibid.*, p. 5. (Nurettin Elhüseyni çev.), *A.g.e.*, s. 29.

<sup>51</sup> Lư Vĩ An, “Ảnh hưởng của khí hậu và thiên tai đối với sự sụp đổ của nhà Minh”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* số (204) tháng 8 năm 2018, tr. 54-66.

<sup>52</sup> Geoffrey Parker, *Ibid.*, p. 185.

<sup>53</sup> Sam White, *Ibid.*, p. 79. (Nurettin Elhüseyni çev.), *A.g.e.*, s. 120.

hiên tai gây ra được nhắc đến trong các tài liệu Ottoman như “kaht” (đói kém do hạn hán)<sup>59</sup>. Theo đó chỉ cần vài tháng không mưa là hạn hán là nạn đói có thể xảy ra<sup>60</sup>. Đáng kể khi mực nước ở sông Nile, một trong những nguồn tài nguyên quan trọng trong kinh thái của đế chế Ottoman, xuống thấp là năm hạn hán cũng có thể xuất hiện. Chẳng hạn năm 1565-1566 do hạn hán nên lượng nước sông Nile ở Ai Cập giảm, kết cục là hoạt động sản xuất bị ảnh hưởng làm cho giá lương thực tăng lên<sup>61</sup>. Không chỉ vậy, hạn hán ở Ai Cập còn gián tiếp gây ra nạn đói ở khu vực Hicaz (Arab)<sup>62</sup>. Những năm 1590 cũng ghi nhận những đợt nạn đói lớn. Trong số đỉnh điểm là nạn đói ở Istanbul là vào hai năm 1594-1595. Đại diện phái bộ Venice tại Ottoman là Vernier miêu tả rằng “đó là đợt nạn đói nghiêm trọng và do thời tiết xấu gây ra”. Nạn đói tiếp diễn vào tháng 3 năm 1596 “mọi người khốn khổ vì đói”<sup>63</sup>.

Trong thời kì này, châu chấu phá hoại mùa màng cũng gây ra nạn đói. Mặc dù là loài côn trùng có kích thước nhỏ nhưng châu chấu lại gây ra thiệt hại đáng kể<sup>64</sup>. Điển hình, nạn đói vào năm 1571 ở İzmit, Yenişehir, Kocaeli, Kocaeli, Geyve và Peçin, các năm 1572-

1576 ở Cyprus, năm 1578 ở Kefe, năm 1586 ở Çorum đều do châu chấu phá hoại mùa màng gây ra. Mặt khác, chuột phá hoại mùa màng cũng gây ra tình trạng khủng hoảng lương thực, như ở Jerusalem vào năm 1595<sup>65</sup>. Ngoài ra, hoạt động sản xuất và thu hoạch cũng bị ảnh hưởng đáng kể bởi giá rét, gây ra nạn đói và làm giá cả tăng vọt. Ở tỉnh Bosnia trong giai đoạn 1548-1600 giá lúa mì tăng 40%, giá bánh mì tăng 30%<sup>66</sup>. Ở Istanbul, khi nạn đói xảy ra, giá 1 kiyye thịt tăng từ 15 akçe (1596) lên 20 akçe (1600) (kiyye là đơn vị đo lường thời Ottoman, 1 kiyye = 1.282 gr)<sup>67</sup>.

#### *Phong trào Celâlî*

Hậu quả của nạn đói kéo dài và sự biến đổi về nhân khẩu dẫn đến sự hình thành một tầng lớp không có ruộng đất và nghề nghiệp. Khi chiến tranh xảy ra ở cả hai biên giới phía tây và đông của đế chế, tình hình xã hội ở khu vực Anatolia trở nên bất ổn, những người nông dân rời bỏ đất đai tha hương bị đẩy đến bước đường cùng đã gia nhập các băng nhóm trộm cướp hoặc nổi loạn<sup>68</sup>. Phong trào Celâlî diễn ra trong bối cảnh đó, được xem là một trong những biến cố có ảnh hưởng đáng kể trong lịch sử Ottoman kể từ sau sự biến Timur Leng (1402) cho đến Thế chiến thứ Nhất<sup>69</sup>. Dựa theo nghiên cứu của Mustafa Akdağ, phong trào Celâlî kéo dài 10

mal Çiçek - Salim Koca ed.), İstanbul: Yeni Türkiye Yayınları, 2002, s. 724.

Yusuf Yılmaz - Yahya Kadıgözü, “Küçük Buzluk, Kuraklık ve Diğer Coğrafi Olayların Celâlî Anıları Üzerindeki Etkileri”, *Studies of The Ottoman Empire*, Cilt 7, Sayı 12, Şubat 2017, s. 274.

Zafer Karademir, *A.g.e.*, s. 45.

Zafer Karademir, *A.g.e.*, s. 48.

Sam White, *Ibid.*, p. 80. (Nurettin Elhüseyni çev.), *A.g.e.*, s. 122.

Sam White, *Ibid.*, p. 154. (Nurettin Elhüseyni çev.), *A.g.e.*, s. 212.

Zafer Karademir, *A.g.e.*, s. 72.

<sup>65</sup> Orhan Kılıç, *A.g.m.*, s. 725; Lütfi Güçer, *A.g.e.*, s. 11.

<sup>66</sup> Jelena Mrgić, *Ibid.*, p. 623.

<sup>67</sup> Orhan Kılıç, *A.g.m.*, s. 728.

<sup>68</sup> Zafer Karademir, *A.g.e.*, s. 99.

<sup>69</sup> Sam White, *Ibid.*, p. 185. (Nurettin Elhüseyni çev.), *A.g.e.*, s. 254.

năm từ năm 1596 đến năm 1610<sup>70</sup>. Còn theo William Griswold thì phong trào này bắt đầu từ năm 1590 khi chiến tranh với Iran vừa kết thúc, kéo dài đến năm 1611<sup>71</sup>. Trong phong trào này, nổi lên ba cuộc đấu tranh khác nhau do Karayazıcı, Canbulad tức Canbuladoğlu Ali Paşa và Kalenderoğlu Mehmed lãnh đạo. Theo *Mühimme Defterleri*, những người tham gia phong trào “*cướp cừu, bò, ngựa và la, phá hủy các kho lương lấy lúa mì, lúa mạch và lương thực*”<sup>72</sup>. Theo đánh giá của W. Griswold, Celâlî rất thành công trong chiến thuật đánh-rút. Tuy nổi dậy chống lại triều đình nhưng họ không nhận bất cứ sự hỗ trợ nào từ bên ngoài<sup>73</sup>. Nói cách khác, họ hoạt động trong phạm vi giới hạn nhất định và mang tính dân tộc cao. Từ khu vực quanh Adana, Aleppo, Maraş, Urfa, Malatya tới Erzurum, phạm vi hoạt động của phong trào không bao giờ vượt qua Toroslar (phía nam Thổ Nhĩ Kỳ)<sup>74</sup>, tức ảnh hưởng của phong trào này chỉ gói gọn trong vùng Anatolia - trung tâm của đế chế Ottoman<sup>75</sup>. Đặc biệt, nhiều nhà nghiên cứu còn chỉ ra mối liên hệ giữa biến đổi khí hậu

với nguồn gốc của phong trào<sup>76</sup>. Bởi thực tế phong trào Celâlî diễn ra trong bối cảnh Tiều Băng Hà đang gây ra nạn đói và ảnh hưởng nghiêm trọng<sup>77</sup>. Đỉnh điểm của nạn đói và cũng là hậu quả của phong trào Celâlî là sự kiện “Đại di cư” - những người còn sống sót sau nạn đói-cướp bóc rời bỏ đất đai nhà cửa di cư đến nơi khác<sup>78</sup>.

*Tả-hữu xung đột: Chiến tranh ở hai biên giới*

Bên cạnh thiên tai và biến động xã hội, cuộc khủng hoảng ở đế chế Ottoman vào cuối thế kỉ XVI-thế kỉ XVII còn được đánh dấu bởi các cuộc chiến tranh triền miên ở cả hai biên giới: phía tây với Habsburg và phía đông với Safevi (Iran). Ở phía tây, cuộc chiến tranh với đế chế Hasburg kéo dài 13 năm từ năm 1593 đến 1606. Trong khi ở phía đông, các cuộc xung đột, giao tranh với Safevi liên tục diễn ra từ cuối thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XVII. Đáng kể là vào năm 1605, đế chế Ottoman cùng lúc phải đương đầu trên cả ba mặt trận phía tây, phía đông và trung tâm Anatolia<sup>79</sup>. Thời tiết giá rét trầm trọng cũng ảnh hưởng tiêu cực đến quân đội Ottoman<sup>80</sup>. Từ cuối năm 1594 khi tình hình thời tiết diễn tiến ngày càng xấu thì khó khăn của quân đội cũng tăng lên. Theo ghi chép của các tài liệu *Tarih-i Peçevi*, *Tarih-i Naîmâ* và *Tarih-i Selânîkî*, khi mùa đông trở

<sup>70</sup> Mustafa Akdağ, *Celâlî İsyanları (1550 - 1603)*, Ankara: Ankara Üniversitesi Basımevi, 1963, s. 2.

<sup>71</sup> William J. Griswold (Ülkün Tansel çev.), *A.g.e.*, s. 247.

<sup>72</sup> Lütfi Güçer, *A.g.e.*, s. 19.

<sup>73</sup> William J. Griswold (Ülkün Tansel çev.), *A.g.e.*, s. 244-245.

<sup>74</sup> Mustafa Akdağ, “Celâlî İsyanlarının Başlaması”, *Ankara Üniversitesi Dil ve Tarih-Coğrafya Tarih Bölümü Tarih Araştırmaları Dergisi*, Cilt 4, Sayı 1, 1945, s. 34.

<sup>75</sup> William J. Griswold, *Ibid.*, p. 44.

<sup>76</sup> Suraiya Faroqhi, *Devletle Başa Çıkmak: Osmanlı İmparatorluğu'nda Siyasal Çatışmalar ve Suç 1550 - 1720*, İstanbul: Alfa, 2016, s. 125.

<sup>77</sup> Sam White, *Ibid.*, pp. 175-179. (Nurettin Elhüseyni çev.), *A.g.e.*, s. 240-245.

<sup>78</sup> Zafer Karademir, *A.g.e.*, s. 99.

<sup>79</sup> William J. Griswold (Ülkün Tansel çev.), *A.g.e.*, s. 76.

<sup>80</sup> Zafer Karademir, *A.g.e.*, s. 58.